

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW, ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị khóa XI “Về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”

(kèm theo Công văn số /SNV-XDCQ ngày /4/2021 của Sở Nội vụ)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 120-KL/TW (tính đến 31/12/2020)

I - ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đặc điểm, tình hình chung của cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đến việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở (viết tắt là QCDC ở cơ sở).

- Tình hình kinh tế - xã hội có liên quan, tác động đến việc thực hiện QCDC ở cơ sở; thuận lợi, khó khăn.

II - KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 120-KL/TW

1. Kết quả tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Kết luận số 120-KL/TW

- Kết quả tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII (viết tắt là Chỉ thị 30-CT/TW), Kết luận số 120-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI (viết tắt là Kết luận số 120-KL/TW), các văn bản pháp luật về QCDC ở cơ sở gắn với triển khai nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, các chỉ thị, nghị quyết về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác dân vận, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước.

- Kết quả chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở.

2. Vai trò, trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở

- Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 120-KL/TW (nghị quyết, chỉ thị, đề án, công văn...).

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở.

- Vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trong việc trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, Kết luận số 120-KL/TW.

3. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở

- Kết quả thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan nhà nước, bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhất là quyền con người, quyền công dân, quyền dân chủ đã được Hiến pháp quy định. Việc thể chế hóa và thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

- Đánh giá vai trò phát huy dân chủ đại diện của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp; việc nâng cao chất lượng, đảm bảo dân chủ, đúng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của các cơ quan tư pháp sau khi có Kết luận số 120-KL/TW.

4. Vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở

- Kết quả thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên; công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QCDC ở cơ sở.

- Kết quả thực hiện giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về “*Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội*”, “*Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị-xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*”, Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về *giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*, nhất là những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của Nhân dân.

- Đánh giá chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở sau khi có Kết luận số 120-KL/TW.

5. Công tác kiểm tra, giám sát; công tác tuyên truyền, nhân rộng các điển hình, mô hình xây dựng và thực hiện tốt QCDC ở cơ sở

- Kết quả kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện QCDC đối với các loại hình cơ sở sau khi có Kết luận số 120-KL/TW.

- Kết quả công tác tuyên truyền, nhân rộng các điển hình, mô hình xây dựng và thực hiện tốt QCDC ở cơ sở trên địa bàn, đơn vị.

6. Công tác thành lập, kiện toàn và đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của ban chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở các cấp

- Kết quả tham mưu cho cấp ủy về việc ban hành các chủ trương, đề án, chương trình, kế hoạch để quán triệt, triển khai thực hiện QCDC ở cơ sở.

- Kết quả tham mưu cho cấp ủy về công tác tuyên truyền, tập huấn; công tác kiểm tra, giám sát; công tác thi đua, khen thưởng về thực hiện QCDC ở cơ sở.

- Kết quả tham mưu về việc kiện toàn, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của ban chỉ đạo; sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của ban chỉ đạo.

- Kết quả tham mưu sơ kết, tổng kết các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến việc thực hiện QCDC ở cơ sở.

- Đánh giá chất lượng tham mưu và hoạt động của ban chỉ đạo, các thành viên ban chỉ đạo thực hiện QCDC ở địa phương, đơn vị sau khi có Kết luận số 120-KL/TW.

7. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở từ khi ban hành Kết luận số 120-KL/TW đến nay

7.1. Kết quả thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11)

- Đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung trong Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11: nội dung công khai để nhân dân biết; nhân dân bàn và quyết định; nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; nhân dân giám sát. Nêu rõ nội dung làm tốt, nội dung làm chưa tốt và nguyên nhân.

- Kết quả thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, dịch vụ công trực tuyến. Kết quả kiện toàn, sắp xếp đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, thôn, làng, khu vực; việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, làng, khu vực. Kết quả đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân; tình hình và kết quả tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Kết quả thực hiện dân chủ trong quá trình tiến hành đại hội chi bộ, đảng bộ phường, xã, thị trấn; thực hiện chủ trương, chính sách đối với người có công với cách mạng, người nghèo; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

- Kết quả hoạt động của ban giám sát đầu tư của cộng đồng, ban thanh tra nhân dân, tổ hòa giải ở xã, phường, thị trấn.

7.2. Kết quả thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP)

- Đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung nêu trong Nghị định số 04/2015/NĐ-CP: trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức; những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết; những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định; những việc cán bộ, công chức,

viên chức giám sát, kiểm tra; dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan. Nêu rõ nội dung làm tốt, nội dung làm chưa tốt và nguyên nhân.

- Kết quả thực hiện quy chế dân chủ gắn với tiến hành đại hội chi bộ, đảng bộ cơ quan, đơn vị; việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị “Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; công tác cải cách hành chính; công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Kết quả tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định; hoạt động của ban thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị.

7.3. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc (theo Nghị định số 60/2013/NĐ-CP và Nghị định số 149/2018/NĐ-CP)

- Đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung, hình thức người sử dụng lao động phải công khai; nội dung người lao động tham gia ý kiến, quyết định, kiểm tra, giám sát. Nêu rõ những nội dung làm tốt, nội dung làm chưa tốt và nguyên nhân.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về đối thoại tại nơi làm việc; hội nghị người lao động và các hình thức thực hiện dân chủ khác; việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng các quy định, quy chế của doanh nghiệp.

- Đánh giá vai trò của tổ chức công đoàn tham gia thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 120-KL/TW

1. Kết quả việc thực hiện QCDC ở cơ sở đã từng bước nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta

2. Kết quả việc thực hiện QCDC ở cơ sở góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cơ sở

3. Kết quả việc thực hiện QCDC ở cơ sở góp phần xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh

IV. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu

cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở.

2. Về chất lượng xây dựng và thực hiện QCDC ở các loại hình cơ sở: xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; doanh nghiệp.

3. Về vai trò, trách nhiệm, chất lượng hoạt động của ban chỉ đạo về thực hiện QCDC ở cơ sở, ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng, tổ hòa giải, tổ nhân dân tự quản ở xã, phường, thị trấn.

4. Về công tác phối hợp giữa cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở.

V. NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân của những kết quả

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

3. Bài học kinh nghiệm

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

2. Đối với Tỉnh ủy

3. Đối với Ban cán sự đảng UBND tỉnh

4. Đối với các cơ quan có liên quan

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW)

TT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
I	<i>Cấp ủy, tổ chức đảng</i>		
1			
2			
3			
4			
....			
II	<i>Chính quyền</i>		
1			
2			
3			
4			
.....			
III	<i>Ban chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở</i>		
1			
2			
3			
4			
.....			
IV	<i>Mặt trận Tổ quốc</i>		
1			
2			
3			
4			
....			
V	<i>Các tổ chức chính trị-xã hội</i>		
1			
2			
3			
....			

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW)

1. Tổng số văn bản đã ban hành trong 05 năm từ 2016-2020:....., trong đó: Cấp ủy, tổ chức đảng:....., chính quyền:....., ban chỉ đạo thực hiện QCDG:, Mặt trận Tổ quốc:.....; các tổ chức chính trị - xã hội:.....

2. Công tác kiểm tra của ban chỉ đạo trong 5 năm từ 2016-2020:

- Tổng số đoàn kiểm tra:.....

- Tổng số đơn vị cơ sở được kiểm tra:.....

3. Công tác tuyên truyền, tập huấn trong 05 năm từ 2016-2020:

- Số lượng các cuộc hội nghị, hội thảo:.....

- Trong đó: Tổ chức riêng.....cuộc; lồng ghép.....cuộc

4. Cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính tính đến 31/12/2020:

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”....%.

- Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”..... %.

- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4:.....; trong đó mức độ 4:.....

5. Về xây dựng nông thôn mới tính đến 31/12/2020.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới/tổng số xã:....., đạt tỷ lệ:.....%; so sánh với 31/12/2015.

- Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới/tổng số huyện:....., đạt tỷ lệ:%; so sánh với 31/12/2015.

- Số kinh phí huy động sức dân trong 05 năm từ 2016-2020:.....đồng, đạt tỷ lệ:.....%/tổng số kinh phí xây dựng nông thôn mới.

- Số diện tích đất do nhân dân hiến để xây dựng cơ sở hạ tầng trong 05 năm từ 2016-2020:.....

6. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020:..... triệu đồng/người/năm; so sánh với năm 2015.

7. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều:.....%

- Tỷ lệ hộ nghèo:.....%; so sánh với năm 2015.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo:.....%; so sánh với năm 2015.

8. Tỷ lệ hộ gia đình đạt Gia đình văn hóa: so với năm 2015.

9. Số cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ, công chức/tổng số cơ quan, đơn vị:....., đạt tỷ lệ:.....% (thống kê theo từng năm: 2016, 2017, 2018, 2019, 2020).

10. Số doanh nghiệp tổ chức hội nghị người lao động/tổng số doanh nghiệp:.....; đạt tỷ lệ:.....% (thống kê theo từng năm: 2016, 2017, 2018, 2019, 2020).

11. Số doanh nghiệp tổ chức đối thoại tại nơi làm việc/tổng số doanh nghiệp:.....; đạt tỷ lệ:.....% (thống kê theo từng năm: 2016, 2017, 2018, 2019, 2020).

12. Số vụ đình công, lãn công năm 2020:..... vụ; so sánh với năm 2015.

13. Số đơn thư và tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo từng năm: 2016, 2017, 2018, 2019, 2020. Số vụ việc phức tạp, đông người, kéo dài tính đến 31/12/2020.
